

Soạn A closer look 2 Unit 2 lớp 9: City life

1. Match the beginning to the correct endings.

(Nối đoạn mở đầu với phần phân còn lại.)

1.f	2.d	3.e	4.h
5.g	6.a	7.c	8.b

2. Complete the text with the most suitable form of the ...

(Hoàn thành đoạn văn với dạng thích hợp của các tính từ trong ngoặc. Thêm the nếu cần.)

1. the largest	2. smaller	3. the most popular	4. wider
5. the dirtiest	6. cleaner	7. the best	8. the most exciting

Hướng dẫn dịch

London là một trong những thành phố lớn nhất trên thế giới. Cư dân thành phố ít hơn nhiều so với Tokyo hay Thượng Hải nhưng nó là địa điểm thu hút khách du lịch nổi tiếng hơn cả. London hầu như nổi tiếng bởi những viện bảo tàng, phòng triển lãm, cung điện và những cảnh đẹp khác nhưng nó cũng bao gồm nhiều chủng tộc, loại hình văn hóa và tôn giáo hơn nhiều nơi khác. Người ta đã từng nói rằng đó cũng là thành phố bẩn nhất nhưng ngày nay nó đã sạch hơn trước nhiều. Nhiều người chắc hẳn sẽ bất ngờ, bây giờ nó cũng đã có các nhà hàng tốt nhất ở châu Âu. Đối với một số người, điều này làm cho London trở thành thành phố thú vị nhất ở châu Âu.

3. Look at the conversation in GETTING STARTED ...

(Nhìn vào đoạn hội thoại trong phần *Getting Started*. Tìm và gạch chân các cụm động từ.)

to get over	to thank for
to show someone around	to grow up
to go by	to be good for
to take someone to	to be set up

4. Underline the correct particle to complete each phrasal verb.

(Gạch chân giới từ thích hợp cho mỗi cụm động từ.)

1. set up	2. gets on with	3. take your hats off
4. grown up	5. shown around	6. pull down

5. Underline the phrasal verbs in the sentences

(Gạch chân những cụm động từ trong câu và nối chúng với nghĩa trong bảng.)

1. turn it off → press the switch
2. turn it down → refuse
3. go over → examine
4. go on with → continue doing
5. take off → remove
6. put it down in → make a note

6. Read the text and find eight phrasal verbs. Match ...

(Đọc đoạn văn và tìm 8 cụm động từ. Nối mỗi cụm động từ với nghĩa thích hợp trong bảng.)

dress up = put on smart clothes.

turn up = arrive.

find out = discover.

go on = continue.

get on = make progress.

think over = consider.

apply for = ask for (a job).

cheer up = make someone feel happier.

Hướng dẫn dịch

Vào buổi tối làm việc đầu tiên ở quán rượu, Sarah ăn mặc đẹp đẽ. Cô mặc một chiếc váy ngắn màu đen và áo choàng trắng, trông cô rất duyên dáng. Tuy nhiên, khi cô đến, cô thấy người quản lý không mấy trung thực với cô về công việc. Cô vừa phải phục vụ khách vừa phải làm việc trong nhà bếp. Ấy thế mà, cô vẫn quyết định tiếp tục làm việc trong một thời gian. Sau tất cả, cô đã tiến bộ nhiều trong công việc. Ba tháng sau, cô nhìn thấy một mẫu tin quảng cáo trên báo đăng tuyển nhân viên bán hàng cho một cửa hàng bách hóa. Cô cân nhắc cẩn thận và quyết định nộp đơn ứng tuyển. "Nhưng tôi sẽ không nói với ai cho đến khi nhận công việc mới" - cô nghĩ. Tin tưởng vào việc thực hiện những điều khác biệt đã làm cho cô cảm thấy hạnh phúc hơn.